**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TL** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. |  |  | Bài 2ab  (1,5đ) |  | 3 |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất |  |  | Bài 3a (1đ) | Bài 3b  (0,5đ) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn |  | Bài 1a  (1đ) | Bài 1b  (1đ) |  | 3,5 |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình |  |  | Bài 5  (1,5đ) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | Bài 4  (1đ) |  |  |  | 1 |
| Tam giác đồng dạng |  | Bài 6a  (1đ) | Bài 6b  (1đ) | Bài 6c  (0,5đ) | 2,5 |
| **Tổng điểm** | | | **1** | **2** | **6** | **2** | 11 |
| **Tỉ lệ %** | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | **70%** | | **100%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Hàm số và đồ thị** | Hàm số bậc nhất  y = ax + b (a ≠ 0) và đồ thị. | **Vận dụng:**  – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất *y* = *ax* + *b* (*a* ≠ 0).  – Vận dụng được phương trình tìm tọa độ giao điểm hai đồ thị bằng phép tính. |  |  | Bài 2ab  (2) |  |
| Toán thực tế hàm số bậc nhất | **Vận dụng:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).  **Vận dụng cao:**  – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán ***(phức hợp, không quen thuộc)*** thuộc có nội dung thực tiễn. |  |  | Bài 3a  (1) | Bài 3b  (1) |
| **2** | **Phương trình** | Phương trình bậc nhất một ẩn | **Thông hiểu:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (chuyển vế)  **Vận dụng:**  – Giải được phương trình bậc nhất một ẩn (có mẫu số) |  | Bài 1a  (1) | Bài 1b  (1) |  |
| Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). |  |  | Bài 5  (1) |  |
| **3** | **Hình đồng dạng** | Hình đồng dạng | **Nhận biết:**  – Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể. | Bài 4  (1) |  |  |  |
| Tam giác đồng dạng | **Thông hiểu:**  – Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông.  **Vận dụng:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài, lập hệ thức giữa các cạnh từ tỉ số đồng dạng của hai tam giác, ...)  **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng. |  | Bài 6a  (1) | Bài 6b  (1) | Bài 6c  (1đ) |
| **Tổng số câu** | | | | 1 | 2 | 6 | 2 |
| **Tỉ lệ %** | | | | **10%** | **20%** | **60%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **30%** | | **70%** | |

4

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CỦ CHI  **TRƯỜNG THCS TÂN AN HỘI**  **ĐỀ THAM KHẢO** | **KIỂM TRA CUỐI KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 8**  **THỜI GIAN: 90 phút**  *(Không kể thời gian phát đề)* |

**Bài 1. (2,0 đ)** Giải các phương trình sau.

a) 

b) 

**Bài 2. (1,5 đ)** Cho đường thẳng  và đường thẳng 

a) Vẽ  và  trên cùng hệ trục tọa độ.

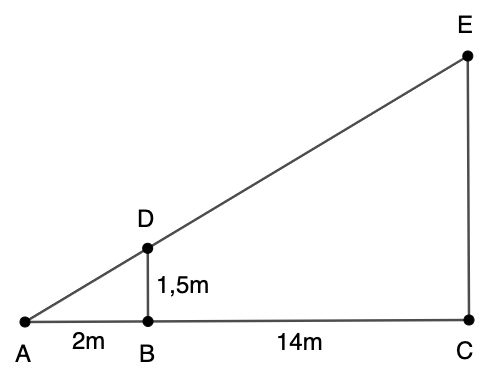
b) Tìm tọa độ giao điểm của  và  bằng phép tính.

**Bài** **3. (1,5đ)** **Bài 6:** Khi càng lên cao thì áp suất khí quyển càng giảm do không khí loãng dần. Để tính áp suất khí quyển ở độ cao không quá cao so với mực nước biển thường sử dụng công thức  . Trong đó P là áp suất khí quyển (mmHg); h là độ cao so với mực nước biển (m).

a/ Hỏi thành phố Bảo Lộc ở độ cao 1200 m so với mực nước biển thì áp suất của khí quyển là bao nhiêu (mmHg) ?

b/ Tính độ cao của đỉnh núi Phan Xi Păng, biết áp suất khí quyển tại nơi này đo được là 508,56 (mmHg).

**Bài 4. (1đ)** Để xác định chiều cao cột cờ người ta cắm cọc BD sao cho bóng AB của cọc trùng lên bóng AC của cột cờ rồi đo các khoảng cách BC, AB. Biết BC = 14m; AB = 2m; BD = 1,5m (hình vẽ). Tính chiều cao của cột cờ (đoạn CE).



**Bài 5. (1,5đ)** Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc 10 km/h. Sau đó người đó từ B quay về A với vận tốc 20 km/h. Biết thời gian tổng cộng hết 3 giờ . Tính quãng đường AB?

**Bài 6 . (2,5 đ)** Cho ΔABC có 3 góc nhọn. Đường cao BE, CF cắt nhau tại H.

1. Chứng minh ΔAEB  ΔAFC.
2. Chứng minh HB.HE = HC. HF
3. Chứng minh 

**----------------- HẾT -----------------**

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài | | Nội dung | Điểm |
| Bài 1  (2,0đ) | a) 1 đ | Vậy phương trình có tập nghiệm : | 0,25x4 |
| b) 1đ | Vậy phương trình có tập nghiệm : | 0,25x4 |
| Bài 2  (1,5 đ) |  | a)Vẽ đúng  Vẽ đúng | 0,5  0,5 |
| b) Phương trình hoành độ giao điểm của  và :    Suy ra  và KL tọa độ giao điểm của  và  là . | 0,25x2 |
| Bài 3  (1,5 đ) |  | a/ Thay h=1200 vào  Ta được  (mmHg)  b/ Thay P=508,56 vào  Ta được h= 3141 (m) | 0,25x6 |
| Bài 4 (1 đ) |  | Ta có : ΔDBA  ΔECA ( g- g)    Vậy chiều cao của cột cờ CE là 12m | 0,25x4 |
| Bài 5 (1,5 đ) |  | Gọi (km) là quãng đường AB. ()  Khi đó  là thời gian lúc đi.  là thời gian lúc về  Theo đề ta có phương trình :  (thỏa ĐK)  Vậy quãng đường AB dài 20 km | 0,25x6 |
| Bài 6  (2,5đ) | 6a (1đ) | a) Chứng minh ΔAEB  ΔAFC.  Xét ΔAEB vuông tại E và ΔAFC vuông tại F có:  là góc chung  ΔAEB  ΔAFC ( g- g) | 0,25x4 |
|  | 6b) (1đ) | b) Chứng minh HB.HE = HC. HF  Xét ΔBHF và ΔCHE có  ( 2 góc đối đỉnh)  (vì ΔAEB  ΔAFC)  Suy ra ΔBHF  ΔCHE ( g-g)  ( tỉ số đồng dạng)  Nên HB.HE = HC HF | 0,25x4 |
|  | 6c) (0,5đ) | c) Chứng minh :  Vì ΔAEB  ΔAFC nên  ( tỉ số đồng dạng)    Xét ABC và AEF có  ( cmt )  là góc chung  Nên ABC AEF ( c – g – c)  Vậy  ( 2 góc tương ứng) | 0,25x2 |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com